

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2022

“V/v: *Không công nhận là
Vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Lê Công Trọng

- Bà: Nguyễn Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số: 74/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022; về việc “*Không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST DS ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1986

Trú tại: Thôn 4, xã LS, huyện ĐR, tỉnh LD.

Bị đơn: Ông Hoàng Hữu T, sinh năm: 1977

Trú tại: Thôn 4, xã LS, huyện ĐR, tỉnh LD.

“Cả hai đều vắng mặt, có lý do”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng trình bày thì:

Bà và ông Hoàng Hữu T tự nguyện quen biết tìm hiểu nhau một thời ngắn thì đi đến hôn nhân, sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới theo theo phong tục tập quán xong thì vợ chồng ông làm ăn sinh sống tại huyện ĐR, LD

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 03 người con chung gồm: Hoàng Thanh H, sinh ngày 17/5/2007; Hoàng Thanh T, sinh ngày 28/01/2017 và Hoàng Thanh N, sinh ngày 05/8/2018; cũng như tạo lập được một số tài sản chung.

Tuy nhiên, 2019 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt; nguyên nhân đổ vỡ hạnh phúc gia đình là do ông T không quan tâm chia sẻ trong cuộc sống vợ chồng; luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống; hay ghen tuông vô cớ; ít quan tâm

và thiếu tôn trọng bà. Sự việc kéo dài theo thời gian nhưng hai bên không tìm được tiếng nói chung mặc dù cả hai đều cố gắng nhưng không có kết quả.

Nay, bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn; mục đích hôn nhân không đạt được; nếu duy trì sẽ ảnh hưởng cho cả hai và các con chung. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Sau khi ly hôn bà H đồng ý giao cả ba con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà xin rút yêu cầu phân chia tài sản chung. Hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra; bà không có ý kiến gì thêm.

- *Tại Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai của bị đơn ông Hoàng Hữu T trình bày thì:*

Về quan hệ hôn nhân; con chung; tài sản chung và nợ chung giữa ông và bà Nguyễn Thị H theo như lời trình bày của bà H là đúng. Tuy nhiên, nguyên nhân đổ vỡ hạnh phúc gia đình là một phần do bà H sống có biểu hiện không chung thủy vợ chồng, sự việc kéo dài mặc dù ông đã nhiều lần khuyên can nhưng tính tình bà H không thay đổi, dẫn đến tình cảm ngày càng rạn nứt; sống không có tiếng nói chung. Nay, ông cũng cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn; mục đích hôn nhân không đạt được; nếu duy trì sẽ ảnh hưởng cho cả hai. Hơn nữa, bà H cũng đã làm đơn xin ly hôn thì ông đồng ý; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung; tài sản chung và nợ chung ông thống nhất, đồng ý như lời khai trình bày của bà H. Ông nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra; ông không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án; Xét tình trạng hôn nhân của bà H và ông T mâu thuẫn từ năm 2019 cho đến nay nhưng không có hồi kết; không ai quan tâm đến ai, có náu kéo cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

Về các con chung: Xét điều kiện về mọi mặt; cũng như sự thỏa thuận của ông T và bà H và ý kiến của con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo ý kiến của ông T, bà H.

Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Hữu T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2006 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật là hôn nhân không hợp pháp. Bà H, ông T đều cư trú, làm ăn sinh sống tại huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Không công nhận là vợ chồng*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các bên đương sự vắng mặt và đều có đơn xin được vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Hữu T đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật; đến năm 2018 - 2019 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt dẫn đến năm 2021 thì vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Xét tình trạng hôn nhân không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết; nếu có duy trì sẽ ảnh hưởng cho cả hai, cũng như ảnh hưởng đến các con chung; hơn nữa, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Xét ý kiến của ông T nhận trách nhiệm nuôi con cũng như của ý kiến con chung và cả điều kiện toàn diện về mọi mặt của ông T thì cần chấp nhận giao cả 03 con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Do nguyên đơn rút một phần nội dung khởi kiện đối với yêu cầu phân chia tài sản chung và bị đơn cũng thống nhất đồng ý; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nguyên đơn phải chịu án phí án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; Điều 147; 203; và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 9, 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 8, 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Hữu T là vợ chồng.

3. Về con chung: Giao cho ông Hoàng Hữu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung gồm Hoàng Thanh H, sinh ngày 17/5/2007; Hoàng Thanh T, sinh ngày

28/01/2017 và Hoàng Thanh N, sinh ngày 05/8/2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi người nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010107 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 9.700.000 đồng (*Chín triệu bảy trăm nghìn đồng*) án phí còn dư.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ để yêu cầu Tóa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đam Rông;
- CC THADS H. Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Hồng Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

